

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 17-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn

2. Ông Lê Thanh Nghị

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

1/ Đinh Quốc Đ, sinh ngày 03/12/1998, tại thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079098016241 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp. Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19E/2 Bình Đông, Tổ 85, Khu phố 5, Phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Cha là ông Đinh Hồng Th và mẹ là bà Diệp Thanh H; Chưa có vợ; sống chung như vợ chồng với Võ Minh Như U, sinh năm 1998. Có 01 người con sinh năm 2017 cùng với người từng sống chung như vợ chồng là Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1997.

- Tiền án: 01 lần. Cụ thể:

Năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo Bản án số 228/2022/HSST ngày 30/9/2022; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/02/2024; chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ (trong trường hợp đầu thú) từ ngày 31/5/2024, tạm giam từ ngày 09/6/2024.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Lý Minh Đ1, sinh ngày 03/12/1996, tại thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079096027994 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/11/2021. Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 121K3/5 Bình Đông, Phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Cha là ông Lý Thanh T và mẹ là bà Nguyễn Ngọc Anh Th; Chưa có vợ; sống chung như vợ chồng với Trần Hồ Sang S, sinh năm 1978. Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018.

- Tiền án: 01 lần. Cụ thể:

Năm 2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 09/01/2023; chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/8/2023; chưa được xóa án tích.

- Bị cáo bị tạm giữ (trong trường hợp đầu thú) từ ngày 31/5/2024, tạm giam từ ngày 09/6/2024.

- Tiền sự: Không.

- Năm 2019, bị Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 394/2019/QĐ-TA ngày 19/8/2019; chấp hành xong vào ngày 03/12/2020.

- Bị cáo bị tạm giữ (trong trường hợp đầu thú) từ ngày 31/5/2024, tạm giam từ ngày 09/6/2024.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị Kim Ch**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C L, xã B Đ, thành phố G C, Tiền Giang

2. Anh **Phạm Hoàng Thiện D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố H H, phường L H, thành phố G C, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Ngọc Anh Th**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 121K3/5 B Đ, Phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

2. Anh **Đinh Hồng Ph**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 19E/2 Bình Đông, Phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1958 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N Ch, xã BD, thành phố G C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích kiếm tiền tiêu xài, bị cáo Đinh Quốc Đ rủ bị cáo Lý Minh Đ1 tìm tài sản sơ hở để lấy trộm rồi bán lấy tiền, thì bị cáo Đ1 đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/5/2024 đến ngày 26/5/2024, bị cáo Đ và bị cáo Đ1 đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Gò Công. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào sáng ngày 19/5/2024, bị cáo Đ1 chở bị cáo Đ bằng xe mô tô hai bánh kiểu dáng “Dream” gắn biển số giả (mua trên mạng xã hội, không rõ thông tin biển số) của bị cáo Đ đi từ Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đến địa bàn thành phố Gò Công. Đến khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày, cả hai dừng lại tại chốt đèn giao thông phía trước Trường Trung học cơ sở Bình Đông tại ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Đ nhìn thấy bên trong sân trường có nhiều xe mô tô hai bánh nhưng không người trông coi, cổng trường không khóa nên kêu bị cáo Đ1 đi vào để trộm xe, thì bị cáo Đ1 đồng ý. Bị cáo Đ1 dừng xe gần cổng trường để cảnh giới; bị cáo Đ đi bộ vào trong sân trường thì thấy xe mô tô loại “Future Fi” màu trắng, biển số 63B6-517.38 của chị Nguyễn Thị Kim Chi để trước đó rồi đi vào hộc phụ huynh, xe không có chìa khóa. Bị cáo Đ sử dụng đoạn kim loại mang theo bẻ khóa, lên xe nổ máy điều khiển ra ngoài rồi cùng bị cáo Đ1 chạy theo Quốc lộ 50 về lại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi đến Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đ gọi điện thoại cho người tên thường gọi là Tuấn (bị cáo Đ không rõ nhân thân, địa chỉ của người này) để hỏi bán xe 63B6-517.38 vừa trộm được. Tuấn hẹn bị cáo Đ mang xe đến một quán nước ven Quốc lộ 22 rồi mua xe 63B6-517.38 với giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Sau khi bán xe xong, bị cáo Đ bắt xe mô tô khách về nhà. Chiều cùng ngày, bị cáo Đ gặp và đưa cho bị cáo Đ1 số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng; cả hai tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Theo Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 04/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Gò Công, xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu “Honda”, loại “Future Fi” biển số 63B6-517.38 trị giá 24.700.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai:

Vào sáng ngày 26/5/2024, bị cáo Đ1 chở bị cáo Đ bằng xe mô tô hai bánh sử dụng trong vụ thứ nhất, lắp biển số giả 62P1-3674 đi từ Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đến địa bàn thành phố Gò Công.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến công trình đang xây dựng tại khu phố Hưng Hòa, phường Long Hưng, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Đ phát hiện ở lề Đ1 phía trước công trình có 01 xe mô tô hai bánh loại “Vario” màu xám biển số 63B6-547.67 của anh Phạm Hoàng Thiện Du để trước đó để vào bên trong kiểm tra công trình, xe cắm sẵn chìa khóa mà không có người trông coi. Ở phía trước xe, anh Du có để 01 cái bóp bên trong có giấy chứng nhận đăng ký xe 63B6-547.67, giấy phép lái xe hạng A1 và C, căn cước công dân của anh Du. Bị cáo Đ kêu bị cáo Đ1 dừng lại rồi đi bộ đến vị trí xe 63B6-547.67, mở công tắc nổ máy xe rồi điều khiển xe chạy đi cùng với bị cáo Đ1 trở về Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi đến Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đ gọi điện thoại cho Tuấn để kêu bán xe 63B6-547.67; Tuấn mua với giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) thì bị cáo Đ1 không đồng ý nên bị cáo Đ không bán. Bị cáo Đ1 điều khiển xe 63B6-547.67 chạy về nhà, trên Đ1 về thì bị cáo Đ1, bị cáo Đ gặp người tên thường gọi là Misen (hai bị cáo không biết rõ nhân thân, địa chỉ). Bị cáo Đ1 hỏi Misen tìm chỗ bán xe 63B6-547.67 thì Misen nói có chỗ nhận cầm xe nên bị cáo Đ1 giao xe 63B6-547.67 cùng cái ví có giấy tờ xe cho Misen.

Đến trưa cùng ngày, Misen gặp và đưa cho bị cáo Đ1 số tiền cầm xe được 13.600.000 đồng, bị cáo Đ1 cho lại Misen 300.000 đồng, bị cáo Đ1 đưa cho bị cáo Đ số tiền 6.650.000 đồng, trong đó: Có 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền mặt, còn lại 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) thì bị cáo Đ1 chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng do bị cáo Đ cung cấp mang tên “VO MINH NHU UYEN”.

Đến ngày 31/5/2024, bị cáo Đ1 và bị cáo Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Gò Công đầu thú; bị cáo Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng “Dream” màu tím, gắn biển số 62P1-3674, số máy: VKVIP5OFMG-30111694, không có số khung;
- 01 (một) bộ dụng cụ bẻ khóa bằng kim loại (đoản), là vật mà bị cáo Đ sử dụng để bẻ khóa lấy trộm xe mô tô trong vụ thứ nhất.

Bà Nguyễn Ngọc Anh Thi (là mẹ ruột của Đ1) liên hệ với bạn bè của bị cáo Đ1 để tìm lại xe 63B6-547.67. Theo lời khai của bà Thi, đến sáng ngày 01/6/2024, có một người không rõ nhân thân đem đến giao cho bà xe mô tô biển số 63B6-547.67, số khung: MH1KF1125JK436708, số máy: KF11E2429436 và giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà Thi nhận xe và đưa lại cho người này số tiền 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Cùng ngày, bà Thi mang xe 63B6-547.67 đến giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Gò Công.

Theo Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 04/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Gò Công Gò Công, xe

mô tô hai bánh nhãn hiệu “Honda”, loại “Vario” biển số 63B6-547.67 trị giá 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Đối với 01 chiếc ví của anh Du do quá trình sử dụng lâu đã cũ, không còn giá trị nên mặc dù không thu hồi được nhưng anh Du không yêu cầu định giá tài sản cũng như không cung cấp được cơ sở để xác định giá trị.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong 02 vụ án “Trộm cắp tài sản” là 64.700.000 (sáu mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSGC ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công đã truy tố bị cáo Đinh Quốc Đ và bị cáo Lý Minh Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ1 và bị cáo Đ thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Quốc Đ từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024.

Xử phạt bị cáo Lý Minh Đ1 từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024.

- Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng “Dream” màu tím, gắn biển số 62P1-3674, số máy: VKVIP5OFMG-30111694, không có số khung;

Đây là xe các bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) bộ dụng cụ bẻ khóa (đoản) bằng kim loại là vật mà bị cáo sử dụng để bẻ khóa lấy trộm xe mô tô đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Hoàng Thiện D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu bồi thường nào khác nên ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch yêu cầu bị cáo Lý Minh Đ1 và bị cáo Đinh Quốc Đ mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.350.000 đồng là giá trị của xe mô tô 63B6-517.38 bị chiếm đoạt. Bị cáo Đ1 đã nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Ngọc Anh Thi bồi thường xong số tiền mà chị Chi yêu cầu; bị cáo Đ chưa thực hiện việc bồi thường.

+ Buộc bị cáo Đ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim Ch số tiền 12.350.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Đ đã biết lỗi, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đ1 đã biết lỗi, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:* Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Đinh Quốc Đ và bị cáo Lý Minh Đ1 khai nhận vào ngày 19/5/2024, tại Trường Trung học cơ sở Bình Đông tại ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thành phố Gò Công, Tiền Giang, bị cáo Lý Minh Đ1 và bị cáo Đinh Quốc Đ lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Kim Chi là xe mô tô hai bánh hiệu “Honda” loại “Future Fi” biển số 63B6-517.38 trị giá 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Đến ngày 26/5/2024, tại khu phố Hưng Hòa, phường Long Hưng, thành phố Gò Công, bị cáo Đ1 và bị cáo Đ tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Hoàng Thiện Du là xe mô tô hai bánh nhãn hiệu “Honda” loại “Vario” biển số 63B6-547.67, trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá 64.700.000 (sáu mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Đ vừa là người rủ rê, vừa là người thực hành. Bị cáo Đ1 mặc dù biết rõ bị cáo Đ rủ đi trộm cắp tài sản nhưng vẫn đồng ý giúp đỡ, chở bị cáo Đ đi tìm tài sản, làm người cảnh giới, liên hệ tìm nơi tiêu thụ tài sản trộm được nên bị cáo Đ1 giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực. Tuy nhiên, giữa hai bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm, nên đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm

cấp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời hành vi này còn gây mất trật tự ở địa phương. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười lao động. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Lý Minh Đ1 và Đinh Quốc Đ phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên, bị cáo Đ và bị cáo Đ1 đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ và bị cáo Đ1 phạm tội này của hai bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo Đ và bị cáo Đ1 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo ra đầu thú. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ1, bị cáo Đ tự nguyện tác động người thân bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt, được người bị hại Nguyễn Thị Kim Chi xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ1 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về vật chứng, xử lý vật chứng:*

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng “Dream” màu tím, gắn biển số 62P1-3674, số máy: VKVIP5OFMG-30111694, không có số khung.

Theo lời khai của bị cáo Đ, xe trên là của bị cáo Đ mua thông qua mạng xã hội vào năm 2021 nhưng không nhớ thông tin người bán, khi mua có giấy tờ xe nhưng đã làm mất, biển số xe gốc cũng đã bị rơi mất. Theo kết quả tra cứu của Công an thành phố Gò Công đối với số máy xe “VKVIP5OFMG-30111694” thì không có thông tin trên hệ thống dữ liệu quản lý phương tiện giao thông cơ giới Đ1 bộ. Đây là xe hai bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) bộ dụng cụ bẻ khóa (đoản) bằng kim loại, là vật mà bị cáo Đ sử dụng để bẻ khóa lấy trộm xe mô tô trong vụ thứ nhất nên tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bà Nguyễn Ngọc Anh Th (mẹ ruột của bị cáo Đ1) và anh Đinh Hồng Phát (anh ruột bị cáo Đ) đã bỏ tiền ra chuộc lại chiếc xe mô tô biển số 63B6-547.67 trả cho anh Phạm Hoàng Thiện D. Anh D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu bồi thường nào khác nên ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch yêu cầu bị cáo Lý Minh Đ1 và bị cáo Đinh Quốc Đ mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.350.000 đồng là giá trị của xe mô tô 63B6-517.38 bị chiếm đoạt. Bị cáo Đ1 đã nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Ngọc Anh Thi bồi thường xong số tiền mà chị Ch yêu cầu; bị cáo Đ chưa thực hiện việc bồi thường.

Bà Th không yêu cầu bị cáo Đ1 phải trả lại số tiền đã bỏ ra chuộc xe mô tô biển số 63B6-547.67 và tiền bồi thường cho chị Chi nên ghi nhận. Anh Ph không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền đã bỏ ra chuộc xe mô tô biển số 63B6-547.67 nên ghi nhận.

Buộc bị cáo Đ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim Ch số tiền 12.350.000 đồng (mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính:

Trong vụ thứ nhất, bị cáo Đ1 thu lợi số tiền 3.500.000 đồng, vụ thứ hai bị cáo Đ1 thu lợi số tiền 6.800.000 đồng, tổng số tiền bị cáo Đ1 thu lợi từ việc bán xe và cầm xe là 10.300.000 đồng nên phải nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Trong vụ thứ nhất, chị Chi yêu cầu bị cáo Đ bồi thường nên bị cáo không phải nộp số tiền thu lợi bất chính. Vụ thứ hai bị cáo Đ thu lợi số tiền 6.800.000 đồng nên cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Lý Minh Đ1 và bị cáo Đinh Quốc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đinh Quốc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về nội dung khác:

Theo lời khai của bị cáo Đ, tài khoản ngân hàng mà bị cáo Đ cung cấp cho bị cáo Đ1 để chuyển khoản tiền có được từ vụ trộm xe thứ hai là lấy của người nữ sống chung như vợ chồng với bị cáo Đ tên Võ Minh Như Uyên; sau khi bị cáo Đ1 chuyển khoản thì bị cáo Đ liên hệ rồi chở Uyên đi rút tiền, Uyên đưa hết tiền rút được cho bị cáo Đ. Kết quả xác minh Uyên không có mặt tại Đ phương, không rõ đi đâu làm gì nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để triệu tập, làm rõ nhưng bị cáo Đ cho rằng Uyên không biết được số tiền này là do phạm tội mà có, ngoài lời khai thì không có chứng nào khác để chứng minh.

Theo lời khai của bị cáo Đ1, Tuấn và Misen là người nhận mua, cầm xe mô tô 63B6-517.38 và xe mô tô 63B6-547.67 nhưng bị cáo Đ1 không biết rõ nhân thân, địa chỉ của hai người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ nhưng bị cáo Đ1 cho rằng Tuấn và Misen không biết được các xe trên là do phạm tội mà có, ngoài lời khai thì không có chứng nào khác để chứng minh.

Do đó, với tài liệu, chứng cứ hiện tại thì chưa đủ cơ sở để Cơ quan điều tra xác minh, xem xét trách nhiệm của U, T, Misen về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tuy nhiên, do chưa làm việc được với những người này nên Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục ghi nhận, theo dõi, khi có cơ sở thì sẽ giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gò Công là phù hợp nên ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đ. diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Quốc Đ và bị cáo Lý Minh Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đinh Quốc Đ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024.

Xử phạt bị cáo Lý Minh Đ1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024.

2. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng “Dream” màu tím, gắn biển số 62P1-3674, số máy VKVIP5OFGM-30111694, không có số khung;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ bẻ khóa (đoản) bằng kim loại.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Gò Công và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công.

Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về số tiền thu lợi bất chính:

Buộc bị cáo Lý Minh Đ1 nộp số tiền 10.300.000 đồng (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) thu lợi bất chính, sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Đinh Quốc Đ nộp số tiền 6.800.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm nghìn đồng*) thu lợi bất chính, sung vào ngân sách nhà nước.

Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Lý Minh Đ1 và bị cáo Đinh Quốc Đ mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đinh Quốc Đ phải nộp số tiền 617.500 đồng (*Sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP Gò Công;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CCTHADS TP Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP Gò Công;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- Nhà tạm giữ Công an TP Gò Công.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Liễu